

CHÍNH TRỊ CỦA NÔNG DÂN: LÝ THUYẾT VÀ SỰ VẬN DỤNG

VŨ THỊ THU THANH*

Người nông dân thường có vũ khí riêng để bảo vệ lợi ích của họ trước những đòi hỏi của các tầng lớp bên trên. Bằng những nghiên cứu thường nghiệm, James C. Scott và Ben Kerkvliet đã cho thấy những hoạt động chính trị thường nhật của nông dân có thể tác động đến chính sách quốc gia và thay đổi xã hội. Một số công trình nghiên cứu về nông dân Việt Nam cũng đã thừa nhận vai trò của nông dân trong việc hình thành các chính sách quốc gia thời kỳ Đổi mới. Bài viết sẽ trình bày những kết quả nghiên cứu từ việc vận dụng lý thuyết này.

Từ khóa: nông dân, chính trị thường nhật, phản kháng thường nhật, chính sách

Ngày nhận bài: 18/11/2015; đưa vào biên tập: 3/12/2015; phản biện: 15/8/2016; duyệt đăng: 28/9/2016

1. LÝ THUYẾT VỀ CHÍNH TRỊ CỦA NÔNG DÂN

1.1. Sự phản kháng thường nhật của nông dân theo James C. Scott

James C. Scott sinh năm 1936, tại bang New Jersey, một trong bốn tiểu bang nhỏ nhất của nước Mỹ. Ông là một nhà chính trị học và nhân học. Các công trình nghiên cứu của Scott tập trung tìm hiểu về người nông dân, chủ yếu ở Đông Nam Á, và những chiến lược phản kháng của họ đối với những đòi hỏi và yêu cầu của tầng lớp trên. Các nghiên cứu của ông đã có đóng góp quan trọng cho sự hiểu biết về chính trị của nông dân với những tác phẩm nổi tiếng như *The Moral Economy of Peasant: Subsistence and Rebellion in Southeast Asia* (Nền

kinh tế đạo đức của nông dân: sự sinh tồn và bạo loạn ở Đông Nam Á) (1976), *Weapons of the Weak* [Vũ khí của kẻ yếu] (1985), *Everyday Forms of Peasant Resistance* (Các hình thức phản kháng thường nhật của nông dân) (1986), *Domination and the Arts of Resistance: Hidden Transcripts* (Sự thống trị và nghệ thuật của sự phản kháng: những kịch bản bị che giấu) (1990). Bối cảnh nghiên cứu chính cho các công trình của James C. Scott là Malaysia và Việt Nam.

James Scott (1986) cho rằng các nghiên cứu về nông dân đã quá tập trung và đề cao các cuộc nổi dậy của nông dân trong khi đó các cuộc dấy loạn này diễn ra rất hiếm hoi trong lịch sử và sau đó thường bị đàn áp một cách tàn bạo. Kết quả mà cuộc nổi loạn này nhận được thường không

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

vững chắc trong khi cảnh tàn sát, đàn áp và suy nhược tinh thần vì thất bại là điều quá chắc chắn và có thật. Theo Scott, những cuộc nổi dậy đó có thể có một tầm quan trọng tương trưng do tính chất bạo động và những mục tiêu cách mạng của nó nhưng về mặt lịch sử *không quan trọng bằng cuộc chiến tranh du kích thầm lặng và liên tục diễn ra ngày này qua ngày khác mà Scott gọi là những hình thức phản kháng thường nhật của nông dân*. Đó là cuộc đấu tranh tầm thường nhưng liên tục giữa giai cấp nông dân với những người luôn tìm cách khai thác sức lao động, thực phẩm, thuế má, tiền cho thuê và lợi nhuận từ họ. Những hình thức của cuộc đấu tranh này phần lớn đều không đi đến một sự phản kháng trực diện tập thể. Chúng hầu như không cần hoặc ít cần có sự phối hợp hay kế hoạch hành động. Biểu hiện của chúng thường giống như một dạng tự lực cánh sinh và đặc biệt là các cuộc phản kháng này né tránh sự đối đầu trực tiếp với chính quyền hoặc với những chuẩn mực của tầng lớp trên. Hiểu được những hình thức phản kháng tầm thường này là hiểu được phần lớn những điều mà giai cấp nông dân thực hiện “giữa các cuộc khởi nghĩa” để bảo vệ quyền lợi tối đa của họ (James C. Scott 1986).

Vì thế, Scott cho rằng bất cứ cuốn sử hay lý thuyết nào về hoạt động chính trị của nông dân, nếu muốn công bình đối với giai cấp nông dân như là một diễn viên lịch sử, nhất thiết phải nắm

bắt được cái mà ông gọi là “những hình thức phản kháng thường nhật” của nông dân. Phản kháng thường nhật của nông dân hay phản kháng của nông dân lớp dưới được James C. Scott (1986: 22) định nghĩa như sau: “Phản kháng của tầng lớp thấp hơn trong nông dân là bất kì hành động nào được thực hiện bởi các thành viên thuộc tầng lớp đó với ý định làm giảm nhẹ hay từ chối những đòi hỏi (chẳng hạn như tiền thuê, thuế má, sự tôn kính) do những người thuộc tầng lớp cao hơn (như địa chủ, người cho thuê máy, người cho vay tiền, nhà nước) áp đặt lên họ hoặc họ có thể đưa ra các yêu sách của riêng họ (về công việc, đất đai, sự cứu tế, sự tôn trọng) đối với tầng lớp cao hơn”.

Một số hình thức phản kháng thường nhật của nông dân mà Scott ghi nhận được như cố tình lè mề, giả phục tùng, viết thư nặc danh, ăn cắp vặt, đặt chuyện, giả vờ không biết, nói xấu, phá hoại... thường được nông dân sử dụng như một vũ khí của mình để phản kháng những đòi hỏi từ tầng lớp trên.

Trong bài viết về *Các hình thức phản kháng thường nhật của nông dân*, đã được dịch và in trong cuốn sách *Một số vấn đề lý thuyết và phương pháp nghiên cứu nhân học*, James C. Scott (1986) cho biết ở miền Bắc cũng như miền Nam Việt Nam trong giai đoạn hợp tác hóa nông nghiệp, các hình thức phản kháng thường nhật của nông dân thể hiện rất rõ bằng cách lấn rộng hơn 5% ruộng đất sử dụng tư,

lấy thời gian và sức lao động trong những xí nghiệp quốc doanh để sản xuất riêng cho gia đình, không giao nộp thóc và gia súc cho nhà nước. Trong bài viết này, James Scott còn cho biết về một nghiên cứu trước đó của Goran Hyden (1980) về nông dân Tanzania và nhận thấy có một sự tương đồng trong cách phản kháng giữa nông dân Tanzania và Việt Nam đối với chính sách ruộng đất của nhà nước. Những người nông dân Tanzania đã phản kháng đối với những chính sách của nhà nước bằng cách cố tình lờ mờ, kiếm lợi riêng cho mình từ những công việc và đất đai đã bị nhà nước lấy mất, trốn tránh và vơ vét từ những chương trình của chính phủ cho mục đích riêng của họ để làm cản trở những kế hoạch của nhà nước (James C. Scott 1986).

1.2. Chính trị thường nhật của nông dân theo Ben Kerkvliet

Ben Kerkvliet có tên đầy đủ là Benedict John Kerkvliet. Ông sinh năm 1940 tại bang Montana, miền Đông nước Mỹ. Ông giảng dạy về chính trị học và Đông Nam Á ở Đại học quốc gia Úc. Mối quan tâm nghiên cứu chủ yếu của Ben Kerkvliet là chính sách ruộng đất ở Đông Nam Á, trong đó tập trung vào mối quan hệ giữa những con người bình thường với tầng lớp bên trên. Bối cảnh cho các nghiên cứu của Kerkvliet là Philippines và Việt Nam. Một số bài viết và công trình nghiên cứu tiêu biểu có liên quan đến Việt Nam của Ben Kerkvliet gồm có *Village-State Relations*

in Vietnam: The Effect of Everyday Politics on Decollectivization (1995) được dịch và xuất bản trong cuốn *Làng Việt Nam: đa nguyên và chặt do Khoa Lịch sử - Đại học Quốc gia Hà Nội* (chủ biên) với nhan đề *Quan hệ làng xóm-nhà nước ở Việt Nam: Tác động của đời sống chính trị thường ngày đối với quá trình xóa bỏ tập thể hóa theo mô hình cũ* (2006); bài “Xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp ở Việt Nam, giai đoạn 1955-1961: tại sao nông dân lại liên kết với nhau” in trong cuốn *Kỷ yếu Việt Nam học lần thứ nhất; Một số vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam* (2000) đồng chủ biên với Nguyễn Quang Ngọc và James C. Scott; đặc biệt tác phẩm *The Power of Everyday Politics: How Vietnamese Peasants Transformed National Policy* (Sức mạnh của chính trị thường nhật: làm thế nào nông dân Việt Nam làm thay đổi chính sách quốc gia) (2005) là một công trình nghiên cứu thể hiện đầy đủ nhất luận điểm của Ben Kerkvliet về chính trị của nông dân Việt Nam.

Đi theo hướng tiếp cận của James C. Scott, Ben Kerkvliet (2005) xem phản kháng thường nhật như là một phần của chính trị thường nhật. Theo ông, chính trị thường nhật xảy ra nơi mọi người sống và làm việc hàng ngày và bao gồm việc mọi người tuân thủ, điều chỉnh hay phản đối các tiêu chuẩn và quy tắc gắn với sản xuất và phân bố các nguồn lực. Nó thường là những biểu hiện và hành động âm thầm, trần tục, tinh tế, không trực tiếp và phần

nhieuu chấp thuận, sửa đổi và phản đối các thủ tục, quy tắc, nội quy và kỷ luật một cách kín đáo. Chính trị thường nhật thường không có hay ít có tổ chức. Nó nhấn mạnh đến các hoạt động của các cá nhân và nhóm nhỏ trong lúc họ đang kiếm sống, nuôi gia đình, vận lộn với bao vấn đề hàng ngày, và đối phó với những người giống như họ - những người không có quyền lực nào - và với những người có quyền thế hơn họ và những người khác (Ben Kerkvliet 2005: 22).

Chính trị thường nhật, theo Ben Kerkvliet, không có nghĩa là tạo ra sự đối kháng giữa nhà nước và xã hội mà đời sống chính trị thường nhật bao gồm cả việc cố gắng sống trong hay sửa đổi những nét chủ yếu của những thủ tục, quy tắc, nội quy và kỷ luật cũng như tham gia vào quá trình đấu tranh tinh vi, không trực diện diễn ra hàng ngày để luồn sâu vào hệ thống và ngầm phá hoại hệ thống. Là người nghiên cứu khá nhiều về chính trị Việt Nam, Ben Kerkvliet cho rằng trong đời sống chính trị như vậy, người nông dân Việt Nam có thể không có tham vọng, có lẽ không có cả ý định tác động đến chính sách quốc gia, mặc dù họ có thể đang rất cố gắng sửa đổi chính sách đó tại địa phương mình. Nhưng những hành động như thế, dù không được tổ chức và phối hợp, cũng có thể tác động đến chính sách quốc gia khi chúng được một số lượng người đủ đông cùng thực hiện theo cách thức chung. Chính trong đời sống chính trị thường nhật đó,

người nông dân đã làm thay đổi chính sách quốc gia mà cụ thể ở Việt Nam là các chính sách Đổi mới và giải thể hợp tác hóa nông nghiệp (Ben Kerkvliet 1995).

Nghiên cứu của Ben Kerkvliet (2005) về nông dân Việt Nam trong cuốn sách *Sức mạnh của chính trị hàng ngày: làm thế nào người nông dân Việt Nam đã thay đổi chính sách quốc gia* (The Power of Everyday Politics: How Vietnamese Peasant Transformed National Policy) đã cung cấp nhiều hình thức phản kháng thường nhật của nông dân buộc chính phủ phải thay đổi chính sách. Để đưa ra nhận định này, Ben Kerkvliet đã thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn với nông dân và cán bộ ở 6 địa bàn thuộc ba tỉnh khác nhau ở Đồng bằng sông Hồng, tiếp cận hàng trăm văn kiện và báo chí từ năm 1950 đến 1990 và phỏng vấn một số nhân vật ở Hà Nội, làm hé lộ bí mật về những gì đã thực sự diễn ra trong quá trình đề ra chính sách suốt thập niên 1980. Chính trị thường nhật của nông dân đó chính là thực tiễn diễn ra hàng ngày trong đời sống nông dân: lấn chiếm ruộng đất tập thể để mở rộng ruộng đất tư vượt quá 5%; chỉ đầu tư sản xuất cho ruộng đất tư mà lơ là trên ruộng đất tập thể; làm ầu lầy điếm, cày chay (không bỏ phân bón). Những hình thức phản kháng đó giúp cho người nông dân có thể tồn tại được trong hệ thống hợp tác xã mà Ben Kerkvliet gọi là “chính trị thường nhật” của nông dân. Thực tiễn hàng ngày đó không đi đúng theo đòi hỏi

của hợp tác xã, mong muốn của chính quyền và quy định của chính sách. Nó chứng minh sự tồn tại dai dẳng của kinh tế cá thể và tính tư hữu. Chính những điều này buộc chính sách phải thay đổi và công nhận hộ gia đình là một đơn vị sản xuất độc lập (Ben Kerkvliet 2005).

2. TÌNH HÌNH THỰC TẾ VỀ NÔNG DÂN VÀ NÔNG THÔN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1975-2000

Trong phần này, chúng tôi sẽ trình bày về những thực hành thường ngày của nông dân và cán bộ địa phương, được ghi nhận và phản ánh trong các công trình nghiên cứu của Việt Nam về thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp. Mặc dù, các nghiên cứu này không lấy khái niệm “phản kháng thường nhật” của James Scott và “chính trị thường nhật” của Ben Kerkvliet làm khung tham chiếu để lý giải cho các hành động của nông dân và cán bộ địa phương, nhưng nó đã cho thấy những cứ liệu về chính trị thường nhật của nông dân và sự vận động từ bên dưới để thay đổi xã hội.

Nguyễn Sinh Cúc, trong cuốn *Thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam 1976-1990* (1991), đã cung cấp nhiều dạng thực hành hàng ngày trong hoạt động chính trị ở các địa phương. Trong hợp tác xã, lao động được chia ra các đội sản xuất theo hướng chuyên môn hóa từng khâu chẳng hạn như đội chuyên làm giống, làm đất, thủy nông, bảo vệ thực vật, đội sức kéo, đội trồng và thu hoạch. Người nông dân lao động

trong từng đội chỉ cần biết thực hiện công việc được khoán, thụ động nhận điểm theo kết quả công việc đó. Họ không quan tâm đến những công việc của các đội khác, cũng như ảnh hưởng kết quả lao động của đội mình cho đội khác. Vì vậy tình trạng cày đối, cấy thừa, làm cỏ chiếu lệ, bón phân không đủ chất lượng, kéo dài thời gian thu hoạch, hao hụt sản phẩm trước và sau thu hoạch (20-30%)... xảy ra phổ biến. Bởi vì người nông dân làm việc theo kiểu cốt sao để hoàn thành khối lượng công việc khoán, nhận điểm là xong. Do đó, giữa các đội chuyên trong hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nảy sinh những mâu thuẫn gay gắt về trách nhiệm và quyền lợi (Nguyễn Sinh Cúc 1991: 20).

Nguyễn Sinh Cúc cũng cho biết thêm về hành động của cán bộ địa phương như một mắt xích trong mối quan hệ nhà nước-nông dân. Vì các chỉ tiêu khoán do nhà nước ấn định phần lớn không dựa trên cơ sở thực tế, không đảm bảo tính cân đối giữa kế hoạch và khả năng sản xuất. Kế hoạch sản xuất thường vượt quá cao so với khả năng sản xuất. Do tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch không đạt nên phần lớn các hợp tác xã đều có hai phương án ăn chia, phân phối, “phương án giả” để báo cáo lên cấp trên và “phương án thật” để phân phối nội bộ. Chính vì vậy, cấp trên chỉ nắm được hợp tác xã qua những “thông tin giả”. Nhiều nguyên tắc, chế độ tài chính bị vi phạm, tình trạng tham ô,

lãng phí diễn ra thường xuyên trên mọi hoạt động của hợp tác xã (Nguyễn Sinh Cúc 1991: 24).

Cũng theo đó, Nguyễn Sinh Cúc cho rằng kịch bản của nông dân miền Bắc được lặp lại khi phong trào hợp tác hóa nông nghiệp triển khai rộng rãi ở miền Nam sau năm 1975. Nhiều nông dân miền Nam đã bỏ ruộng đất và tìm kiếm sinh nhai bằng những công việc phi nông nghiệp chứ họ không chịu vào làm ăn tập thể. Họ bán trâu bò, bán máy, chặt cây ăn quả trong vườn trước khi tập thể hóa (Nguyễn Sinh Cúc 1991: 27-30).

Thái Duy, từng làm việc cho báo *Đại đoàn kết*, trong bài viết *Từ khoán hộ đến nông dân tự chủ*, trong cuốn *Đổi mới ở Việt Nam: nhớ lại và suy ngẫm* (2008) cho rằng những thực hành hàng ngày của người nông dân sở dĩ không đi theo yêu cầu và mong đợi của chính phủ và nhà nước là do quyền tự chủ, độc lập trong sản xuất kinh doanh của người nông dân bị tước đoạt nên người nông dân chỉ lao động mang tính cầm chừng, cốt sao cho có nhiều công điểm. Tình trạng “nhỏ mọn cho gia đình không được đứt rễ nhưng nhỏ mọn cho hợp tác xã thì đứt rễ cũng chẳng sao vì chỉ cần có nhiều bó là có nhiều công điểm” rất phổ biến. Vì đói triền miên, nông dân chỉ còn cách quay về mảnh đất 5% làm kinh tế phụ gia đình, ra sức quay vòng để nuôi cả gia đình, còn công việc của tập thể, của hợp tác xã thì chẳng xã viên nào muốn làm, thậm chí lúa chín đầy đồng các xã viên

cũng chẳng thèm thu hoạch (Thái Duy 2008).

Đặng Phong (2015) trong cuốn *Phá rào” đêm trước đổi mới* đã cung cấp thêm rất nhiều dữ liệu về những hoạt động “vượt rào” của cán bộ địa phương. Cán bộ địa phương là người đại diện Nhà nước ở địa phương, là cầu nối giữa Nhà nước và nông dân. Nhưng khi chứng kiến những việc làm hàng ngày của nông dân trong lúc họ sinh sống và sản xuất thì cán bộ địa phương đã “tự điều chỉnh” những hạn chế của chính sách. Những hành động vượt rào đó đã cung cấp bằng chứng thực tiễn buộc những nhà lãnh đạo cấp cao phải thay đổi chính sách.

Hiện tượng chuyển nhượng ruộng đất vốn được coi là một hành động bất hợp pháp trong thời kỳ trước năm 1993 (Luật Đất đai) nhưng nó vẫn diễn ra rất phổ biến. Dựa trên kết quả điều tra, khảo sát ở Đồng bằng sông Cửu Long được tiến hành trong giai đoạn 1990-1992, Nguyễn Văn Tuất (1993) cho biết sự chuyển nhượng quyền sử dụng ruộng đất giữa các hộ nông dân đang diễn ra ở mức độ cao đã làm cho mức chênh lệch ruộng đất gia tăng. Ở An Giang, tiêu biểu là xã Bình Mỹ, theo lời phát biểu của cán bộ địa phương, trong hai năm 1990-1991, trong tổng số 4.000 hộ thì có 1.000 hộ đã chuyển nhượng ruộng đất. Xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, trong hai năm 1989-1990 có 176 hộ đã thực hiện giao dịch 127ha ruộng đất (Nguyễn Văn Tuất 1993: 51). Năm

1989, Sở Nông nghiệp tỉnh Hà Bắc đã điều tra một số xã tại hai huyện đã phát hiện ra hơn 1.174 trường hợp vi phạm đất đai, trong đó có 848 trường hợp lấn chiếm đất đai bất hợp pháp, 183 trường hợp cấp quyền sử dụng đất trái phép và 143 trường hợp mua bán quyền sử dụng đất bất hợp pháp. Từ năm 1989 đến giữa tháng 10 năm 1993, thanh tra địa chính tiếp tục phát hiện 4.443 vi phạm luật đất đai quốc gia với 113ha đất (Nguyễn Văn Sửu 2007: 329-330).

Nguyễn Công Bình, trong *Báo cáo tổng hợp về kinh tế-xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long* (1991: 47), cho biết trong 621 hộ được điều tra ở 15 vùng khác nhau ở Đồng bằng sông Cửu Long vào năm 1991 có 225 hộ có diện tích sở hữu biến động so với năm 1987, trong đó có 142 hộ có số diện tích tăng và 83 hộ có số diện tích giảm. Nghiên cứu quá trình chuyển nhượng ruộng đất diễn ra ở Đồng bằng sông Cửu Long (1975-1993), Nguyễn Thành Nam (2000) cũng nhận xét rằng trước năm 1987 tình trạng mua bán, sang nhượng ruộng diễn ra một cách ngấm ngầm, lén lút giữa các hộ nông dân nhưng kể từ khi có *Luật đất đai 1988* thì xu hướng chuyển nhượng ruộng đất giữa các hộ nông dân từ bất hợp pháp, lén lút, ngấm ngầm chuyển sang công khai và trở nên mạnh mẽ hơn.

Những thực hành hàng ngày của nông dân và cán bộ địa phương được ghi nhận và phản ánh trong các công trình nghiên cứu được trình bày ở trên

là những biểu hiện rõ rệt về chính trị thường nhật của nông dân được đề cập trong các lý thuyết của James Scott và Ben Kerkvliet.

3. CHÍNH TRỊ CỦA NÔNG DÂN VIỆT NAM QUA GÓC NHÌN LÝ THUYẾT

Dưới đây chúng tôi giới thiệu một số công trình đã vận dụng lý thuyết chính trị của nông dân và những tham khảo học thuật khác để lý giải sâu thêm về hành động thường nhật của nông dân và cán bộ địa phương.

Trong bài *Post-1975 Land Reform in Southern Vietnam: How Local Actions and Responses Affected National Land Policy* (Cải cách ruộng đất sau 1975 ở miền Nam Việt Nam: làm thế nào mà những hành động và đáp trả ở địa phương đã ảnh hưởng đến chính sách Quốc gia) (2010), Đặng Đình Trung cho biết trong giai đoạn cải cách ruộng đất và hợp tác hóa nông nghiệp, người nông dân đã cố gắng hạn chế hết mức những bất lợi và gia tăng tối đa những thuận lợi để họ có thể tồn tại và kiếm sống được. Chẳng hạn như họ cố gắng mở rộng kinh tế hộ gia đình bằng cách chiếm tài sản, đất đai, lao động tập thể; cố gắng đảm bảo các phương thức sinh kế khác nhau bằng cách làm công việc có trả lương (wage-work) và sử dụng tài sản tập thể cho nhu cầu hàng ngày; họ trốn tránh các nghĩa vụ ở tập đoàn sản xuất; họ trả lại hay từ bỏ ruộng đất khi thấy làm ăn tập thể không hiệu quả; họ tìm cách chuyển nhượng, cầm cố ruộng đất một cách bất hợp pháp. Tất cả những hành động này

của nông dân đều gây bất lợi cho sự tồn tại của các tổ chức tập thể. Ngoài ra, trong nghiên cứu này, bên cạnh khái niệm “các hình thức phản kháng thường nhật” của James Scott và khái niệm “chính trị thường nhật” của Ben Kerkvliet, Đặng Đình Trung còn sử dụng thêm một số điểm đặc trưng trong mô hình của Joel Migdal về *chính trị lãnh đạo* (strongman politics) để lập luận rằng, trong cuộc tập thể hóa nông nghiệp ở miền Nam sau 1975, chính nông dân và cán bộ địa phương là hai nhân tố chính đã làm chệch hướng các chính sách nông nghiệp so với những mong đợi của chính phủ Việt Nam. Có nghĩa là người nông dân đã cố gắng hết mình để theo đuổi các hoạt động kinh tế hộ gia đình riêng của họ mà không chú ý canh tác tập thể, cán bộ địa phương đã lợi dụng chức quyền để làm lợi cho họ hơn là làm lợi cho tập thể và quốc gia. Mặc dù chính phủ đã cố gắng sửa chữa sai lầm và khắc phục tình hình nhưng những vấn đề trên vẫn không thuyên giảm mà còn tiếp tục gia tăng (Dang Dinh Trung 2010).

Vẫn đi theo hướng tiếp cận của James C. Scott và Ben Kerkvliet, Trần Thị Thu Trang (2009) đã có những phân tích sâu sắc đến bối cảnh xã hội đối với hành động của người nông dân trong bài *State-Society Relations and the Diversity of Peasant Resistance in Vietnam* (Những mối quan hệ giữa nhà nước-xã hội và sự đa dạng về phản kháng của nông dân ở Việt Nam). Trong bài viết này, Trần Thị Thu Trang sử dụng khung phân

tích của Mittelman và Chin (2000) về sự phản kháng. Trong đó, Mittelman và Chin phân biệt các khía cạnh khác nhau của hành động phản kháng, các hình thức phản kháng được sử dụng, các chủ thể tham gia, địa điểm diễn ra và các chiến lược phản kháng. Tuy đồng ý với sự mô tả của Mittelman và Chin về các hình thức và chủ thể hành động của sự phản kháng nhưng Trần Thị Thu Trang đã bổ sung thêm hai khía cạnh quan trọng khác của sự phản kháng là các *nguyên nhân* (causes) và các *mục tiêu* (targets) xung quanh các chiến lược của sự phản kháng theo Mittelman và Chin. Bởi vì, tác giả muốn nhấn mạnh rằng sự phản kháng của nông dân là kết quả của sự tương tác giữa *cấu trúc* (structure) và *chủ thể* (agency) trong một bối cảnh không gian và thời gian nhất định. Sự tương tác này giúp cho người nông dân nhận ra nguyên nhân gây ra những khó khăn của họ, để từ đó họ lựa chọn những mục tiêu và chiến lược phù hợp. Tùy theo bối cảnh không gian và thời gian nhất định mà người nông dân có các hình thức phản kháng khác nhau, từ phản kháng thường nhật (ngầm ngấm, bí mật, tinh tế, không có sự tổ chức phối hợp) cho đến những phản kháng có tổ chức, công khai, trực diện. Theo tác giả, trong thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp, các hình thức phản kháng (resistance) thường nhật diễn ra phổ biến nhưng từ khi có chính sách Đổi mới vào cuối thập niên 1980, các cuộc phản đối (protests) ngày càng gia tăng, có tính công khai và tính tập thể hơn

bên cạnh phản kháng thường nhật (Tran Thi Thu Trang 2009).

Hai bài nghiên cứu vừa kể trên đã vận dụng lý thuyết về chính trị của nông dân theo mô hình của James Scott và Ben Kerkvliet để lý giải hành động ứng phó của nông dân. Đây là hướng tiếp cận nghiên cứu từ dưới lên đối với một vấn đề nghiên cứu. Theo hướng đó, các nghiên cứu này cho rằng quá trình giải thể hợp tác hóa nông nghiệp và việc ban hành các chính sách Đổi mới ở Việt Nam bắt nguồn từ sự phản kháng thường nhật của nông dân. Điều này đã được các nhà lãnh đạo Việt Nam cấp cao xác nhận tại hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX tháng 12/1985. Trong hội nghị này, Tổng bí thư Trường Chinh đã có một phát biểu quan trọng cho Đại hội VI sau này là “lấy dân làm gốc”, tức mọi việc phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, từ lợi ích của xã hội, đồng thời lấy lợi ích của dân, phản ứng của dân làm thước đo cho sự đúng đắn của một quan điểm, một đường lối, một chính sách. Sở dĩ đây là một quan điểm quan trọng bởi ông cho rằng nhiều thập kỷ trước đó, những chủ trương, đường lối thường được xác định ở cấp cao nhất, thậm chí ở người có vị trí cao nhất, không được bàn cãi (Đảng Cộng

sản Việt Nam 2006: 252).

4. NHẬN XÉT

Khái niệm “phản kháng thường nhật” của James Scott và “chính trị thường nhật” của Ben Kerkvliet là một trong những khung tham chiếu lý thuyết thích hợp để giải thích cho các hành động xã hội từ bên dưới, đặc biệt là người nông dân trong mối quan hệ với các tầng lớp bên trên. Hai khái niệm này có thể được vận dụng kết hợp với những mô hình lý giải khác để có những sự hiểu biết sâu sắc hơn về tình hình chính trị và biến đổi xã hội ở một quốc gia vào một thời điểm lịch sử nhất định.

Việc trình bày các tác phẩm đã nghiên cứu về nông nghiệp-nông dân cho thấy việc vận dụng các lý thuyết để giải thích các vấn đề xã hội ở Việt Nam không chỉ đem lại sự hiểu biết sâu sắc về sự vận hành xã hội trong thực tiễn Việt Nam mà còn giúp cho các nhà nghiên cứu Việt Nam có thể có những đóng góp, trao đổi về mặt học thuật với thế giới. Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng việc tìm hiểu và vận dụng các khung tham chiếu và tham khảo học thuật từ những công trình quốc tế mang tính mở đường, lật lại vấn đề, có tính định hướng trào lưu học thuật là việc làm rất hữu ích và cần thiết. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2006. *Văn kiện Đảng toàn tập (tập 47, 1986)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Kerkvliet, Benedict John. 1995. “Village-State Relations in Vietnam: The Effect of Everyday Politics on Decollectivization”. *The Journal of Asian Studies*, Vol. 54, No. 2.

3. Kerkvliet, Benedict John. 2005. *The Power of Everyday Politics: How Vietnamese Peasants Transformed National Policy*. Ithaca: Cornell University Press.
4. Dang Dinh Trung. 2010. "Post-1975 Land Reform in Southern Vietnam: How Local Actions and Responses Affected National Land Policy". *Journal of Vietnamese Studies*, Vol 5, No.3.
5. Đặng Phong. 2015. "*Phá rào*" *đêm trước đổi mới*. Hà Nội: Nxb. Trí Thức.
6. Nguyễn Công Bình (chủ biên). 1991. "Báo cáo tổng hợp kinh tế-xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Việt Nam". *Chương trình quy hoạch tổng thể Đồng bằng sông Cửu Long* của Tổ Nghiên cứu Kinh tế Trung ương.
7. Nguyễn Sinh Cúc. 1991. *Thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam 1976-1990*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
8. Nguyễn Thành Nam. 2000. *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. TPHCM: Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
9. Nguyễn Văn Sửu. 2007. "Contending Views and Conflicts over Land in Vietnam's Red River Delta". *Journal of Southeast Asia Studies*, 38(2).
10. Nguyễn Văn Tuất. 1993. "Sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long". *Tạp chí Cộng sản*, số 1/1993.
11. Scott, James C. 1986. "Everyday Forms of Peasant Resistance". *The Journal of Peasant Studies*, Vol 13, No.2.
12. Thái Duy. 2008. "*Từ Khoán hộ đến nông dân tự chủ*", trong cuốn *Đổi mới ở Việt Nam: nhớ lại và suy ngẫm* do Đào Xuân Sâm, Vũ Quốc Tuấn (chủ biên). Hà Nội: Nxb. Trí Thức.
13. Tran Thi Thu Trang. 2009. "*State-Society Relations and the Diversity of Peasant Resistance in Vietnam*". Trong *Agrarian Angst and Rural Resistance in Contemporary Southeast Asia* do Dominique Caouette and Sarah Turner (chủ biên). New York: Routledge.
14. Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TPHCM. *Một số vấn đề lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Nhân học*. TPHCM: Đại học Quốc gia TPHCM.